

Số: 2129/QĐ-MNCT

Cô Tô, ngày 15 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán bổ sung kinh phí hỗ trợ phụ cấp ưu đãi đối với GV dạy học sinh khuyết tật năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON CÔ TÔ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 2/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 929/QĐ-PGD&ĐT ngày 31/12/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cô Tô về việc giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-GDĐT ngày 06/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cô Tô về việc bổ sung kinh phí hỗ trợ phụ cấp ưu đãi đối với GV dạy học sinh khuyết tật năm 2023;

Xét đề nghị của cán bộ kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách bổ sung kinh phí hỗ trợ phụ cấp ưu đãi đối với GV dạy học sinh khuyết tật năm 2023 của Trường Mầm non Cô Tô (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ông (bà) - Kế toán Trường Mầm non Cô Tô và các bộ phận liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH&CT;
- Như Điều 3(t/h);
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hương

**DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH NGUỒN CCTL NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 21/2023/QĐ-MNCT ngày 15/12/2023 của Trường Mầm non Cô Tô)

DVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	59 047 000
I	Nguồn ngân sách trong nước	59 047 000
1	Chi sự nghiệp giáo dục	59 047 000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	59 047 000
1.3	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	